

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/DS-PT

Ngày: 27 – 3 – 2025

V/v tranh chấp về dân sự -

Hội

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tôn

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Ngọc Thanh Vy, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Đạm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2024/TLPT- DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp “V/v Tranh chấp về dân sự – Hội”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 707/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị D, sinh năm 1966 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà Võ Thị Khánh L, sinh năm 1983 (Có mặt); Địa chỉ: Khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền vào ngày 14/01/2025).

Bị đơn: 1. Trịnh Thị Ú, sinh năm 1964 (Có mặt);

2. Lê Minh T, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Thu T1. sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

3. Nguyễn Bé N, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
4. Lê Thị Mỹ T2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
5. Huỳnh Thị H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
6. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
7. Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
8. Bùi Thị N2, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
9. Lâm Thị Thu H2, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
10. Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
11. Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
12. Phạm Thị H3, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).
13. Trịnh Thị P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- Kháng cáo: Bà Huỳnh Thị D, là nguyên đơn và bà Trịnh Thị Ú là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo Đơn khởi kiện vào ngày 19/10/2023 và ngày 08/11/2023 của bà Huỳnh Thị D; Các Đơn khởi kiện bổ sung vào các ngày 17/01/2024, ngày 19/3/2024 và ngày 28/5/2024; Trong quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà D trình bày:

Trong nhiều năm, bà Trịnh Thị Ú tham gia nhiều dây hụi do bà Huỳnh Thị D làm đầu thảo. Ngoài bà Ú còn có nhiều người tham gia hụi. Bà D và bà Ú quen biết do ở gần nhà nên bà D tin tưởng cho bà Ú (lấy tên là Út M) tham gia tổng cộng 36 dây hụi. Chi tiết của 36 dây hụi được bà D liệt kê và trình bày tại đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 19/3/2024 và ngày 28/5/2024.

36 dây hụi nói trên, bà Ú đã hót hết 36 dây.

Sau khi hót hụi, bà Ú đã đóng hụi chết cho mỗi dây không đầy đủ và dây hụi cuối cùng bà Ú không đóng từ ngày 06/3/2024 (al). Tổng số tiền hụi chết của 36 dây hụi mà bà Ú còn phải đóng cho bà D là 631.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D xác nhận: Dây hụi số 33 hiện nay chưa mất. Bà D rút yêu cầu đối với dây hụi số 33 với số tiền là 50.000.000 đồng.

Nay bà Khánh L yêu cầu bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền hụi còn nợ là 631.000.000 đồng và lãi suất do chậm trả, lãi phát sinh 0,833%/tháng tính từ ngày 06/3/2024 (al) đến ngày 06/9/2024 (al) tổng cộng là 31.537.380 đồng.

* Tại Văn bản ý kiến ngày 29/3/2024 và ngày 23/4/2024 của bà Trịnh Thị Ú; Các Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với bà Trịnh Thị Ú của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; Trong quá trình giải quyết vụ án; quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Trịnh Thị Ú trình bày:

Ông Lê Minh T là chồng của bà Ú.

Bà Ú có tham gia các dây hụi do bà Huỳnh Thị D làm thảo. Các dây hụi do bà Ú trình bày và thừa nhận tương ứng với dây hụi: 1, 4, 5, 8, 12, 14, 19, 28, 31, 34, 35. Các dây hụi còn lại do bà D trình bày và khởi kiện, bà Ú không có tham gia.

Bà Ú thừa nhận còn nợ hụi chết chưa đóng của 05 dây hụi với số tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng, cụ thể 05 dây hụi là 1, 4, 28, 31, 34 theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/3/2024 của bà Huỳnh Thị D, các dây hụi còn lại bà Ú đã hốt và đóng hụi chết đầy đủ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ú xác định có ký tên và ký thay tên cho ông T vào các giấy ghi số tiền hụi tại dây hụi số 29, 31, 32, 33. Bà Ú có tham gia dây hụi số 31 và còn nợ bà D dây hụi này 25.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng nợ hụi này nằm trong số tiền 70.000.000 đồng mà bà Ú thừa nhận còn nợ bà D.

Nay bà Trịnh Thị Ú không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D. Bà Ú chỉ đồng ý trả số tiền nợ hụi 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) cho bà D và không đồng ý trả lãi suất.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/01/2024 đối với ông Lê Minh T của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành; Trong quá trình giải quyết vụ án và quá trình thu thập chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Lê Minh T trình bày:

Bà Trịnh Thị Ú là vợ của ông.

Ông T không biết việc bà Ú tham gia hụi của bà D. Đến khi bà D khởi kiện bà Ú, ông T mới biết. Hiện nay, bà Ú thừa nhận còn nợ hụi chết của bà D số tiền 70.000.000 đồng, ông T đồng ý cùng bà Ú có trách nhiệm liên đới trả số nợ này cho bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không đồng ý với yêu cầu của bà D và không đồng ý trả lãi suất tiền nợ hụi chết.

* Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 77/2024/DS – ST, ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D;

Buộc bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T liên đới phải trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền hui còn nợ là 225.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 11.245.500 đồng, tổng cộng 236.245.500 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị D về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T trả số tiền hui và lãi chậm trả tổng cộng là 426.292.000 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T liên đới phải nộp 11.812.000 đồng (Mười một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Huỳnh Thị D phải nộp 21.051.600 đồng (Hai mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, sau khi khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.230.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002076 ngày 22/11/2023 và 4.817.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002150 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Bà Huỳnh Thị D còn phải nộp tiếp 5.004.600 đồng (Năm triệu không trăm lẻ bốn nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Kháng cáo: Vào ngày 04/10/2024, bà Huỳnh Thị D là nguyên đơn và ngày 01/10/2024 bà Trịnh Thị Ú là bị đơn của vụ án kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo. Bà Ú giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị D và không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Ú; Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị D và bị đơn bà Trịnh Thị Ú trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị D:

- Bà Huỳnh Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà; Buộc bà Ú và ông T trả cho bà số tiền nợ hui tổng cộng là 631.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 0,833%/tháng tính từ ngày 06/3/2024 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D đồng ý trừ lại số tiền hui chết của dây hui số 33 là 50.000.000 đồng. Do đó, bà D yêu cầu bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền hui còn nợ là 581.000.000 đồng và lãi suất do chậm trả, lãi phát sinh 0,833%/tháng tính từ ngày 06/3/2024 đến khi xét xử phúc thẩm.

- Bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T không đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà D.

Xét thấy: Bà D là chủ hui. Bà Ú là hui viên. Bà D khởi kiện yêu cầu bà Ú và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà tiền hui chết của 36 dây hui mà bà Ú tham gia với tổng số tiền là 631.000.000 đồng. Nhưng bà Ú thừa nhận chỉ tham gia 11 dây hui gồm: 1, 4, 5, 8, 12, 14, 19, 28, 31, 34, 35 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Ú thừa nhận thêm 04 tài liệu là giấy nợ hui do bà D xuất trình tương ứng với các dây hui: 29, 31, 32 và 33.

Bà D dựa vào giấy ghi hui của từng dây và người làm chứng (hui viên có tham gia hui chung với bà Ú) để xác định bà Ú tham gia 36 dây hui. Tuy nhiên, bà Ú không thừa nhận và xác định quá trình tham gia hui, bà D không giao giấy hui cho bà nên bà Ú tự theo dõi và xác định các dây hui bà tham gia.

Bà D có yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lời khai của người làm chứng, là những người cùng tham gia hui chung với bà Ú. Hui viên tham gia hui do bà D làm thảo đều trình bày có biết và tham gia hui chung với bà Ú; Bà Ú có đi khai hui trong 36 dây hui mà bà D khởi kiện. Tuy nhiên, những hui viên này không biết cụ thể việc bà D giao hui và bà Ú đóng hui chết như thế nào. Do đó, lời trình bày của những người làm chứng nói trên không chứng minh được số tiền hui chết cụ thể mà bà Ú còn nợ bà D.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, bà D cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bà Ú có tham gia 36 dây hui, đã hót hết 36 dây hui do bà D làm thảo và bà Ú còn nợ hui chết của 36 dây hui này với số tiền tổng cộng là 631.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị Ú:

Bà Trịnh Thị Ú kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà Ú yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho yêu cầu của bà: Bà Ú không đồng ý trả cho bà D số tiền hui là 225.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 11.245.000 đồng.

Bà Ú chỉ đồng ý trả cho D số tiền nợ hui là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Xét thấy: Bà Ú thừa nhận có tham gia 11 dây hui do bà Huỳnh Thị D làm thảo, tương ứng với dây hui gồm: 1, 4, 5, 8, 12, 14, 19, 28, 31, 34, 35. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm bà Ú còn thừa nhận 04 tài liệu là giấy nợ hui do bà D xuất trình tương ứng với các dây hui: 29, 31, 32 và 33.

Bà Ú chỉ thừa nhận còn nợ hui chết của bà D dây hui thứ 31 là 25.000.000 đồng. Dây hui này là hui mùa (03 tháng khui một lần), hui 5.000.000 đồng và khui vào ngày 20/01/2020 (al), có 13 phần. Bà Ú tham gia 01 phần. Bà Ú thừa nhận còn nợ tiền hui là 25.000.000 đồng, tương ứng với 05 lần hui chết chưa đóng. Tính cụ thể thời gian của 05 lần đóng hui chết sẽ bắt đầu từ ngày 20/01/2022 (al) đến ngày 20/01/2023 (al) là mãn hui.

Điều này cũng cho thấy, bà Ú mất khả năng đóng hui chết cho bà D từ ngày 20/01/2022 (al). Do đó, đối với 11 dây hui gồm: 1, 4, 5, 8, 12, 14, 19, 28, 31, 34, 35 và 03 dây hui 29, 32, 33 do bà D làm thảo mà bà Ú thừa nhận có tham gia thì nghĩa vụ chứng minh việc đóng hui chết cho bà D thuộc về bà Ú, trừ trường hợp bà D thừa nhận thời gian bà Ú đóng hui chết cho bà tại các dây hui nói trên.

Qua tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Ú thể hiện tại hồ sơ thì bà Ú không có chứng cứ để chứng minh bà Ú đã đóng xong 09 dây hui chết cho bà D.

[3.1] Do bà Ú không có chứng cứ chứng minh đã đóng xong hui chết cho bà D nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D đối với các dây hui (theo thứ tự tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/3/2024) gồm: 1, 4, 5, 8, 12, 28, 34, 35.

Đối với 02 dây hui số 14 và 19: Bà D trình bày và cách tính hui tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/3/2024 là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận 01 phần hui tại dây hui số 14 và 19.

Như vậy, tại các dây hui gồm 1, 4, 5, 8, 12, 28, 34, 35 và dây hui 14, 19 được Hội đồng xét xử chấp nhận tiền hui chết bà Ú còn nợ bà D với số tiền là 129.000.000 đồng.

[3.2] Bà Ú thừa nhận còn nợ bà D tiền hui tại dây hui số 31 là 25.000.000 đồng nằm trong số tiền 70.000.000 đồng. Bà D không thừa nhận nhưng bà không có chứng cứ chứng minh dây hui số 31 bà Ú còn nợ bà số tiền 40.000.000 đồng.

Do đó, lời trình bày và thừa nhận của bà Ú là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.3] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D đối với việc bà Ú còn tiền nợ hui chết tại các dây hui: 29, 32 với số tiền là 105.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ, bà Ú không chứng minh được đã đóng xong hui chết tại các dây hui này.

Như vậy, tổng cộng tiền hui bà Ú còn nợ bà D là $[3.1] + [3.2] + [3.3] = 304.000.000$ đồng.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo: Bà D đồng ý trừ lại số tiền hui chết của dây hui số 33 là 50.000.000 đồng do dây hui này chưa mãn.

Xét thấy: Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Bà D có quyền khởi kiện bà Ú đối với dây hui số 33 khi dây hui này mãn thành một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3.5] Đối với lãi suất hui: Bà D kháng cáo yêu cầu bà Ú và ông T trả lãi suất chậm trả 0,833%/tháng tính từ ngày 06/3/2024 đến ngày xét xử phúc thẩm đối với tiền nợ hui. Tuy nhiên, khi khởi kiện bà D chỉ yêu cầu tính lãi suất tiền bà Ú nợ hui đến ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm của bà D.

Như vậy số tiền hui nói trên được tính lãi suất cụ thể như sau:

$304.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 15.192.800 \text{ đồng}.$

[4] Trên cơ sở đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị D.

Buộc bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà D nợ hui với số tiền là 304.000.000 đồng và lãi suất là 15.192.800 đồng, tổng cộng vốn lãi là 319.192.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ú chỉ trình bày nội dung vụ việc, không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Ú chỉ đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền nợ hui là 70.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi suất chậm trả.

[5] Theo Văn bản “V/v: Tranh chấp hui” ngày 10/01/2025 của bà Huỳnh Thị D: Bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết thêm phần tiền hui 70.000.000 đồng mà bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T còn nợ bà tại biên nhận ngày 20/02/2019.

Xét thấy: Trong 36 dây hui bà D khởi kiện bắt đầu khai từ ngày 20/01/2020 (al) và yêu cầu nói trên của bà D không có tại đơn khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D có bà Khánh L đại diện theo ủy quyền không tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết số tiền 70.000.000 đồng nói trên nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không tiếp tục xem xét và giải quyết đối với yêu cầu này của bà.

[6] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị D; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Ú; Sửa bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Huỳnh Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Trịnh Thị Ú là phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Huỳnh Thị D phải chịu 17.167.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm do bà D không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 293, Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị D.
- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị Ú.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D;

Buộc bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền hui còn nợ là 304.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 15.192.000 đồng; Tổng cộng là 319.192.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị D về việc yêu cầu bà Trịnh Thị Ú và ông Lê Minh T trả số tiền hui và lãi chậm trả tổng cộng là 343.345.000 đồng (Ba trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí:

+ Bà Trịnh Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013543 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bà Trịnh Thị Ú, ông Lê Minh T phải liên đới nộp 15.960.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Huỳnh Thị D phải nộp 17.167.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.230.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002076 ngày 22/11/2023; Số tiền 4.817.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002150 ngày 22/01/2024 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013566 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà Huỳnh Thị D còn phải nộp tiếp số tiền 820.000 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THATỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Liên Hiệp